

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Số: 38/QĐ-VKIST

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ dự toán chi Ngân sách Nhà nước năm 2026

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM – HÀN QUỐC

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 50/2015/NĐ-CP ngày 18/5/2015 của Chính phủ về việc thành lập Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam- Hàn Quốc trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam- Hàn Quốc;

Căn cứ Quyết định số 4558/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán chi NSNN năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-VKIST ngày 23/01/2024 của Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản trị hành chính và Trưởng phòng Kế hoạch và Điều phối.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ dự toán chi NSNN năm 2026 của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc (chi tiết theo các phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và dự toán chi NSNN năm 2026, Trưởng các phòng tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; đảm bảo việc thực hiện, quản lý ngân sách nhà nước hiệu quả, thiết thực, tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 3. Trưởng phòng Quản trị Hành chính, Trưởng phòng Kế hoạch và Điều phối, Kế toán trưởng và các Phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.



Vũ Đức Lợi

PHỤ LỤC 1
DỰ TOÁN CHI NGAN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 38/QĐ-VKISF ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Viện trưởng
Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc)



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mã tính chất nguồn kinh phí	Chuyển tiếp từ năm 2025	Giao mới năm 2026	Tổng kinh phí được sử dụng năm 2025
1	A	B	2	3	4
	DỰ TOÁN CHI NSNN		25.539,51	25.655,02	51.554,53
A	CHI THƯỜNG XUYÊN		25.539,51	25.655,02	51.554,53
I	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		25.539,51	25.655,02	51.554,53
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	16	7.990,66	6.023,92	14.014,58
	- Kinh phí khoán chi	16	4.742,86	4.608,48	9.351,34
	- Kinh phí không khoán chi	16	3.247,80	1.415,44	4.663,24
2	Kinh phí thường xuyên		11.898,53	18.752,80	31.011,33
	Hỗ trợ chi thường xuyên		11.898,53	18.752,80	30.651,33
a.1	Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương của cán bộ, viên chức	12		17.000,00	17.000,00
a.2	Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương của cán bộ, viên chức	13	7.531,93		7.531,93
b.1	Chi hoạt động bộ máy (lương lao động hợp đồng, các khoản nộp theo lương)	12		1.396,00	1.396,00
b.2	Chi hoạt động bộ máy (chi phí điện, nước, VPP, CCDC VP, mua sắm sửa chữa thường xuyên, chi phí sử dụng xe ô tô cơ quan, công tác phí, bảo vệ, vệ sinh, truyền thông, khám sức khỏe, đoàn ra, đoàn vào, hội nghị...)	13	2.752,60	356,80	3.109,40
c	Thuê xe ô tô, thuê bảo vệ, vệ sinh	13	1.246,00		1.246,00
d	Chi phí vận hành bảo trì tòa nhà	13	368,00		368,00
3	Chi không thường xuyên			180,00	180,00
a	Đoàn ra	12		162,00	162,00
b	Đoàn vào, hội nghị, hội thảo	12		18,00	18,00
4	Nguồn thực hiện chính sách cải cách tiền lương	14	420,90		420,90
5	Quỹ tiền thưởng	18		698,30	698,30
I.2	Vốn nước ngoài (dự án viện trợ)	12	5.229,43		5.229,43

BẢNG CHI TIẾT PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 180/QĐ-VKS/T ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Hàn Quốc)

PHỤ LỤC 2

Đơn vị tính: VND

STT	Đơn vị	Kinh phí năm 2025 chuyển sang				Kinh phí giao mới năm 2026		Tổng kinh phí được sử dụng năm 2026		Tổng cộng
		Số dư dự toán		Số dư tạm ứng		KP không khoán	KP không khoán	KP không khoán	KP không khoán	
		KP khoán	KP không khoán	KP khoán	KP không khoán					
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.644.402.569	2.633.772.920	1.098.457.450	614.022.380	4.608.476.000	1.415.444.000	9.351.336.019	4.663.239.300	14.014.575.319
a	<i>Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN chuyển tiếp</i>	3.644.402.569	2.633.772.920	1.098.457.450	614.022.380	4.608.476.000	1.415.444.000	9.351.336.019	4.663.239.300	14.014.575.319
1	"Nghiên cứu phát triển sản phẩm viên nang cứng hỗ trợ điều trị viêm loét dạ dày tá tràng từ bài thuốc cổ truyền Việt Nam gồm khổ sâm cho lá (Croton tonkinensis Gagnep.), bồ công anh (Lactuca indica L.) và khói tia (Ardisia sylvestris Pitard.)" (01.2021M004)	100.000		76.056.500				76.156.500	0	76.156.500
2	Nghiên cứu thiết kế trạm sạc 15kW cho ô tô điện (03.2021M005)	265.785.000	70.000.000	15.884.156	1.126.800			281.669.156	71.126.800	352.795.956
3	Nghiên cứu thiết kế Inverter và chương trình điều khiển cho động cơ đồng bộ nam châm vĩnh cửu (PMSM: Permanent Magnet Synchronous Motor) 15kW (01.M03.2023)	117.024.250		216.960	7.487.200			117.241.210	7.487.200	124.728.410
4	Phát triển cảm biến kết hợp công nghệ polymer in phân tử hạt nano từ phát hiện một số ion kim loại nặng (As, Pb, Cd, Hg, Cr) trong nước (02.M04.2023)	620.000.000		10.466.131	33.511.600			630.466.131	33.511.600	663.977.731
5	Tích hợp nền tảng lấy mẫu bioerosol và kỹ thuật sắc ký miễn dịch để phát hiện nhanh một vài tác nhân vi sinh vật gây nhiễm khuẩn bệnh viện (03.M04.2023)	0	9.537.000	40.156.000	14.018.720			40.156.000	23.555.720	63.711.720
6	Nghiên cứu tác dụng chống ung thư (vỏ, phôi, đại tràng) trên mô hình in vivo của hợp chất ent-18-acetoxy-7β - hydroxykaur-15-oxo-16-ene chiết xuất từ cây khổ sâm cho lá (Croton tonkinensis Gagnep) (06.M01.2023)	512.493.304	1.453.100.000	244.165.428	111.495.240			756.658.732	1.564.595.240	2.321.253.972
7	Nghiên cứu chế tạo vật liệu quang xúc tác nanocomposite trên cơ sở TiO2 pha tạp Vanadium (V-TiO2)/graphitic carbon nitrid (g-C3N3) và graphene oxide (GO) định hướng ứng dụng xử lý nước thải dệt nhuộm (01.M05.2024)	94.782.600	34.366.920	16.872.815	0	795.546.000	283.554.000	907.201.415	317.920.920	1.225.122.335
8	Nghiên cứu tổng hợp nhựa có khả năng tự phân hủy sinh học Poly(lactic acid) (PLA) từ phụ phẩm (vỏ) quả cà phê, ứng dụng chế tạo màng, tấm nhựa thân thiện môi trường (02.M05.2024)	361.317.415	15.800.000	95.200.000	19.953.820	1.151.482.000	200.518.000	1.607.999.415	236.271.820	1.844.271.235
9	Tăng cường tín hiệu phản ứng RT-PCR (Reverse transcription polymerase chain reaction) bằng vật liệu vàng nano cấu trúc thấp chiều để phát hiện virus Tobacco mosaic (03.M04.2024)	224.500.000	8.469.000	49.400.000	0	382.000.000	10.000.000	655.900.000	18.469.000	674.369.000
10	Nghiên cứu và phát triển cảm biến nhiệt độ dựa trên quang sợi sử dụng cách tử Bragg ứng dụng theo dõi trường nhiệt độ dải rộng đa điểm (04.M04.2024)	449.600.000	0	350.000.000	296.200.000	680.000.000	0	1.479.600.000	296.200.000	1.775.800.000
11	Nghiên cứu thiết kế chế tạo động cơ đồng bộ nam châm vĩnh cửu cho máy bay không người lái (05.M03.2024)	998.800.000	1.039.200.000	1.239.460	0	519.000.000	0	1.519.039.460	1.039.200.000	2.558.239.460
12	Nghiên cứu quy trình tách chiết và tinh chế Lithi từ quặng La Vi Quảng Ngãi		3.300.000	198.800.000	130.229.000	1.080.448.000	921.372.000	1.279.248.000	1.054.901.000	2.334.149.000